

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 02 năm 2023
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Nguyên Hồng

Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cà Thị D, sinh năm 1988. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản X, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn B, sinh năm: 1987. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản X, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cà Thị D trình bày như sau:

Chị và anh Lò Văn B kết hôn với nhau từ năm 2006 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 23/3/2006 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B nghiện ma túy phải đi chấp hành án, sau khi trở về địa phương tiếp tục tái nghiện phải đi cai nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Hết thời gian cai nghiện trở về anh B vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không

thể tiếp tục sống chung được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh Lò Văn B có ba con chung là cháu Lò Thủy Đ sinh ngày 09/01/2007, cháu Lò Thị Uyên N sinh ngày 21/12/2008 và cháu Lò Xuân L sinh ngày 28/10/2015. Hiện nay chị D đang nuôi dưỡng cả ba con chung. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Do bị đơn anh Lò Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án đưa vụ án ra giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lò Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung vợ chồng của anh B chị D, ghi ý kiến con chung anh B chị D.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và phiên tòa không có lý do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Cà Thị D và anh Lò Văn B. Về con chung: Giao các cháu Lò Thủy Đ sinh ngày 09/01/2007; cháu Lò Thị Uyên N sinh ngày 21/12/2008 và cháu Lò Xuân L sinh ngày 28/10/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D do chị D không yêu cầu. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị Cà Thị D chịu án phí xin ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Cà Thị D yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lò Văn B, nơi cư trú: B, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp là xin ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự trong vụ án. Tuy Nên, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 2 lần liên tiếp nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Cà Thị D và anh Lò Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 23/03/2006. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B mắc vào tệ nạn xã hội, nghiện chất ma túy phải đi chấp hành án và chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Sau khi trở về địa phương anh B thường xuyên không có mặt tại nhà. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương cũng thể hiện rõ anh B phải đi chấp hành án về tội phạm về ma túy 01 lần và đi cai nghiện tập trung 02 lần, sau khi trở về địa phương thì thường xuyên đi làm ăn xa không báo cáo với ban quản lý bản. Chị D xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh B đã được Tòa án triệu tập Nêu lần nhưng không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh B, chị D mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Cà Thị D và anh Lò Văn B.

[2.2] *Về con chung*: Chị Cà Thị D và anh Lò Văn B có ba con chung là cháu Lò Thủy Đ sinh ngày 09/01/2007; cháu Lò Thị Uyên N sinh ngày 21/12/2008 và cháu Lò Xuân L sinh ngày 28/10/2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Xuân L đến khi trưởng thành và giao hai cháu Lò Thủy Đ và Lò Thị Uyên N cho anh B nuôi dưỡng. Tuy Nên tại đơn xin xét xử vắng mặt chị thay đổi ý kiến nhận nuôi dưỡng cả ba con đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Xét thấy, cháu Đ có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn nhưng anh B lại không có văn bản trình bày ý kiến, nguyện vọng về việc nuôi con. Quá trình xác minh anh B không có mặt ở nhà, kết quả xác minh anh B thường xuyên đi làm xa thỉnh thoảng mới trở về, thời gian ly thân cả ba con chung đều ở với mẹ. Do đó để bảo đảm quyền lợi mọi mặt cho con chung cần chấp nhận nguyện vọng của chị D, giao các cháu Lò Thủy Đ, cháu Lò Thị Uyên N và cháu Lò Xuân L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Do chị D tự nguyện không đề nghị anh B phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên cần chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung vợ chồng*: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết, anh B không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp hoặc có người yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] *Về nợ chung vợ chồng*: Chị D xác nhận không có nợ chung, anh B không có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Về án phí*: Chị Cà Thị D chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000VNĐ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Cà Thị D và anh Lò Văn B.
2. Về con chung: Chị Cà Thị D và anh Lò Văn B có ba con chung là cháu Lò Thủy Đ sinh ngày 09/01/2007; cháu Lò Thị Uyên N sinh ngày 21/12/2008 và cháu Lò Xuân L sinh ngày 28/10/2015.

Giao cháu Lò Thủy Đ, cháu Lò Thị Uyên N, cháu Lò Xuân L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Đ, cháu N, cháu L trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D do chị D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh B được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án, nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Cà Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo B lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002349 ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**